MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/7/2024

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,283.56	243.15
% Thay đổi	0.04%	0.35%
KLGD (CP)	723,442,388	63,102,479
GTGD (tỷ đồng)	19,867.10	1,432.61
Tổng cung (CP)	2,319,660,760	115,014,300
Tổng cầu (CP)	2,347,747,663	94,545,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	115,529,147	1,392,754
KL mua (CP)	46,655,585	1,622,360
GT mua (tỷ đồng)	1,632.92	58.02
GT bán (tỷ đồng)	3,897.75	57.86
GT ròng (tỷ đồng)	(2,264.84)	0.15

Tương quan cung cầu HOSE

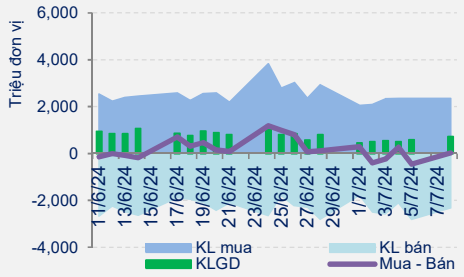

Giá trị Giao dịch NDTNN HOSE

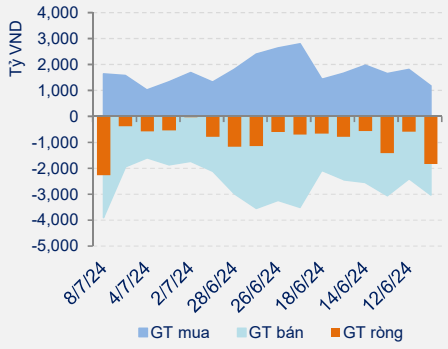

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX

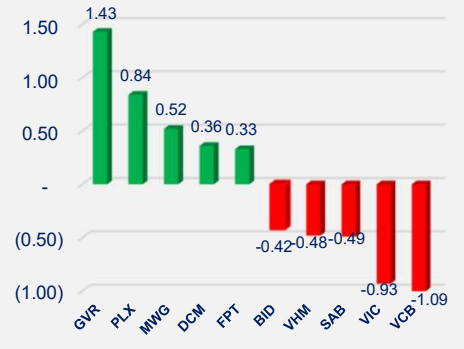

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sau 05 phiên liên tiếp tăng điểm trong tuần trước. VN-INDEX trong phiên hôm nay đầu phiên tiếp tục tăng điểm lên vùng giá 1.287 điểm, chịu áp lực rung lắc trong phiên. Kết phiên duy trì phiên thứ 06 liên tiếp tăng điểm lên 1.283,56 điểm, mức tăng 0,52 điểm (+0,04%) với thanh khoản cải thiện khá tốt. HNX-INDEX kết phiên tích cực hơn tăng 0,85 điểm (+0,35%) lên mức 243,14 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng về tích cực với 195 cổ phiếu tăng giá (14 cổ phiếu tăng trần), 136 cổ phiếu giảm giá (04 cổ phiếu giảm sàn) và 39 cổ phiếu giữ giá tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 85 cổ phiếu tăng giá (09 cổ phiếu tăng trần), 70 cổ phiếu giảm giá (04 cổ phiếu giảm sàn) và 73 cổ phiếu giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tăng so với phiên giao dịch cuối tuần, với khối lượng khớp lệnh tăng 12,69% tại HOSE và 5,35% tại HNX, cho thấy lực cầu ngắn hạn đang cải thiện tốt trong HOSE. Khối ngoại tiếp tục xu hướng bán ròng liên tiếp trên HOSE với giá trị 2,317,51 tỷ đồng hôm nay, vẫn tập trung mạnh ở các mã trong VN30 như ngân hàng, bất động sản, công nghệ, thép... Trên sàn HNX khối ngoại mua ròng nhẹ 0,15 tỷ đồng.

Trong tuần 01- 05/7/2024, tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng - giảm nhẹ. Trong khi tỷ giá trên thị trường tự do giảm khá mạnh trong tuần qua. Chốt phiên 05/7/2024, tỷ giá tự do giảm 195 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 25.745 VND/USD và 25.825 VND/USD. Ngân hàng Nhà nước hút ròng 21.083 tỷ đồng từ thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giảm xuống mức 24.758,55 tỷ, khối lượng tín phiếu lưu hành tăng lên 139.880 tỷ đồng. Việc tỉ giá giảm căng thẳng, phần nào có ảnh hưởng tâm lý tích cực hơn lên thị trường chứng khoán.

VN30 sau tuần tăng điểm tốt là nhân tố ảnh hưởng kém tích cực lên thị trường trong phiên hôm nay với đa số giảm điểm. Áp lực điều chỉnh chủ yếu đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng với đa số giảm điểm nhẹ như KLB (-2,48%), EIB (-1,31%), NVB (-1,005), VCB (-0,91%)... bênh cạnh các mã giảm điểm như SAB (-2,76%) nhóm bia rượu, VIC (-2,42%), VRE (-2,40%), VHM (-1,17%)... đại diện nhóm cổ phiếu bất động sản đa số vẫn có xu hướng kém tích cực so với thị trường chung.

Trong khi đó các nhóm ngành nổi bật là dầu khí, với mức tăng điểm mạnh ở các cổ phiếu bán lẻ xăng dầu, vận tải xăng dầu, khi nhiều mã tăng giá hết biên độ như PVB (+7,69%), VTO (+6,72%), VIP (+6,67%), PLX (+5,80%), PVP (+3,70%)... Các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su cũng có diễn biến tăng giá rất tích cực, nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản giá đột biến nổi bật với LHG (+6,91%), DTD (+5,08%), GVR (+3,99%), SZC (+3,81%), SIP (+2,65%)...ngoài ITA (-3,89%), KBC (-1,55%)...

Nhóm cổ phiếu hóa chất, phân bón, vận tải biển cũng có diễn biến tăng giá vượt trội so với thị trường chung, nhiều mã tiếp tục vượt đỉnh cũ gần nhất, thanh khoản gia tăng khá đột biến như CSV (+6,98%), DDV (+10,40%), LAS (+9,79%), DCM (+6,93%), BFC (+6,89%)...VOS (+6,83%), VNA (+6,05%)...

Trong khi đó các cổ phiếu công nghệ viễn thông sau giai đoạn tăng giá mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh với MFS (-3,9%), ICT (-3,6%), VTK (-0,46%), VGI (-0,56%)..ngoài FPT (+0,65%).

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2407 giảm 2,3 điểm (+0,04%), đóng cửa tại 1.314 điểm, chênh lệch -1,83 điểm so với VN30. Khối lượng hợp đồng giao dịch dưới mức trung bình cao hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2406 duy trì biến động trong vùng 1.300 - 1.320 điểm, với hỗ trợ gần nhất quanh 1306 điểm, tương ứng đường giá trung bình 20 phiên. Các kỳ hạn VN30F2408 VN30F2409 VN30F2412 chênh lệch từ -4,83 điểm đến 1,07 điểm so với VN30. Khối lượng mở OI hôm nay là 58.281 so với phiên gần nhất là 58.475 cho thấy xu hướng giảm bớt các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Sau tuần phục hồi tăng điểm tích cực dưới ảnh hưởng của VN30, VN-INDEX trong phiên đầu tuần cũng dưới ảnh hưởng của VN30 chịu áp lực rung lắc khi gặp vùng kháng cự mạnh quanh 1.285 điểm. Kết phiên VN-INDEX tăng 0,52 điểm (+0,04%) lên mức 1.283,56 điểm. VN-INDEX đang nỗ lực vượt vùng kháng cự mạnh quanh 1.285 điểm, là vùng giá cao nhất của rất nhiều phiên giảm điểm mạnh, với khối lượng giao dịch đột biến trước đó như ngày 24/06/2024, 24/05/2024, 15/04/2024. Đây là vùng kháng cự mạnh khá quan trọng của VN-INDEX hiện nay. Trong khi đó VN30 đang vượt vùng giá cao nhất tháng 03/2024 quanh 1.307 điểm.

Ngắn hạn VN-INDEX tiếp tục tích lũy tích cực sau khi vượt lên vùng giá trung bình 20 phiên gần nhất quanh 1.275 điểm, duy trì tích lũy trong vùng giá 1.250 điểm -1.300 điểm. Thanh khoản thị trường có cải thiện, nhưng vẫn dưới mức trung bình, do đó VN-INDEX có thể sẽ còn chịu áp lực rung lắc khi gặp vùng kháng cự mạnh 1.285 điểm là vùng giá cao nhất của các phiên giảm điểm mạnh trong tháng 04, 05, 06/2024 như trên. Điểm tích cực là lực cầu gia tăng tốt ở nhiều mã/nhóm mã trong thị trường, trong khi VN30 chịu áp lực điều chỉnh nhẹ. Nhiều mã/nhóm mã vẫn phục hồi rất tốt sau điều chỉnh, nhiều mã vượt vùng đỉnh gần nhất, thanh khoản khá đột biến như các mã trong nhóm xăng dầu, hóa chất, phân bón, khu công nghiệp, vận tải biển.... với nhiều cơ hội ngắn hạn tốt.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX vẫn tích lũy tích cực với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245- 1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Chúng tôi cho rằng thị trường diễn biến tích lũy tích cực và nếu không có các yếu tố tiêu cực bất định mới xuất hiện thì VN-INDEX kỳ vọng sẽ có thể hướng đến vùng kháng cự quanh 1.300 điểm khi các yếu tố như căng thẳng địa chính trị trên thế giới, áp lực lạm phát, tỷ giá, khối ngoại bán ròng hạ nhiệt. Nhà đầu tư ngắn hạn duy trì tỷ trọng hợp lý, tránh mua đuổi giá cao. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới, đánh giá cẩn trọng dựa trên kết quả kinh doanh quí II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành. Có thể xem xét giải ngân các mã đang có thanh khoản gia tăng tốt trở lại. Mục tiêu là các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có có kết quả kinh doanh quí II tăng trưởng tốt, triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 8/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
DCM	40.1	35-36	40-42	34	17.3	0.3%	51.3%	Theo dõi giải ngân
BSR	23.01	21-22.4	26-28	20	8.9	-9.9%	-29.8%	Theo dõi giải ngân
MIG	22.50	20.8-21.6	25-26	20	13.4	-9.5%	12.2%	Theo dõi giải ngân
PHP	30.05	26-27.5	32-34	24	17.6	12.5%	-6.7%	Theo dõi giải ngân
DPM	38.85	35-36	40-41	34	28.3	1.3%	1.6%	Theo dõi giải ngân
PLX	46.50	40-41.7	54-55	38	18.1	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
POW	15.05	13.5-14.1	17.5-18.5	13	43.0	-15.9%	-48.0%	Theo dõi giải ngân
LHG	41.75	36.5-37	41-43	35	14.0	-34.1%	-38.0%	Theo dõi giải ngân
DPR	44.15	40.7-42.5	46-47	39	18.8	3.8%	-5.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	22.70	23	26.5-27.5	22	-1.3%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	18.03	17.5	26-28	18	3.0%	Nắm giữ
7/2/2024	BSR	23.01	22	26-28	21	4.6%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ	
Thủ tướng: Đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5 - 7% trong quý III	Tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với các địa phương, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính chỉ rõ mục tiêu là phấn đấu đạt tăng trưởng GDP trong quý III là từ 6,5 – 7%; lạm phát giữ ở mức dưới 4,5%, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế và có thặng dư. Tiếp tục điều tiết tỉ giá, mặt bằng lãi suất phù hợp; trong đó lưu ý giảm mặt bằng lãi suất cho vay, chi phí vay để hỗ trợ sản xuất kinh doanh; bảo đảm cung ứng đủ vốn tín dụng, tăng tiếp cận vốn tín dụng. Giữ vững ổn định thị trường ngoại tệ, thị trường vàng. Siết chặt kỷ luật tài chính- ngân sách nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, sử dụng hóa đơn điện tử, chống thất thu thuế, nhất là từ thương mại điện tử; đẩy mạnh hoạt động đầu tư công; kiên quyết điều chuyển 29,9 nghìn tỷ đồng vốn đầu tư công chưa phân bổ chi tiết; tháo gỡ khó khăn giải ngân vốn ODA; phấn đấu giải ngân trên 95% kế hoạch được giao.
Quảng Trị đón 4.400 tỷ đồng đầu tư, đặt mục tiêu trở thành trung tâm năng lượng sạch của miền Trung	Theo Quyết định số 1737, Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, các nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn này là xây dựng Quảng Trị trở thành trung tâm năng lượng sạch của miền Trung vào năm 2030, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Trong khuôn khổ hội nghị, UBND tỉnh đã trao quyết định chủ trương đầu tư, quyết định chấp thuận nhà đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư cho 9 dự án với tổng vốn đăng ký hơn 4.400 tỷ đồng. Đồng thời, trao chủ trương lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho hai dự án PPP với tổng mức đầu tư hơn 21.000 tỷ đồng và 5 dự án được trao chủ trương nghiên cứu, khảo sát đề xuất dự án.
Tăng trưởng tín dụng đạt 6%, hoàn thành mục tiêu của Chính phủ	Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà nước (NHNN) cho biết, tính đến cuối tháng 6, tín dụng nền kinh tế đạt gần 14,4 triệu tỷ đồng, tăng 6% so với cuối năm ngoái. Trong đó, cho vay tiêu dùng đạt hơn 3 triệu tỷ đồng. Như vậy, từ đầu năm đến nay, hơn 810.000 tỷ đồng đã được bơm thêm vào nền kinh tế. Tính riêng quý II, nền kinh tế tiếp nhận thêm khoảng 630.000 tỷ đồng, cao hơn đáng kể so với quý I, báo hiệu tín dụng đã tăng tốc tốc kể từ cuối quý II. Chỉ tính riêng tuần cuối tháng 6 (từ 24/6 đến 30/6), dư nợ tín dụng toàn nền kinh tế đã tăng thêm hơn 210.000 tỷ đồng.

TIN DOANH NGHIỆP	
Tasco thâu tóm nhà phân phối Volvo ở Việt Nam	Ngày 8/7, CTCP Tasco Auto công bố về việc sở hữu 100% Công ty TNHH Sweden Auto.Sweden Auto là đơn vị nhập khẩu và phân phối chính hãng xe Volvo duy nhất tại Việt Nam với mạng lưới bán lẻ xe Volvo gồm 4 đại lý tại Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng. Sau thương vụ này, Tasco Auto đang sở hữu gần 90 showroom trên toàn quốc và là nhà nhập khẩu chính hãng các thương hiệu xe như Volvo, Lynk & Co. Sau 5 năm gia nhập thị trường, Sweden Auto nằm trong top 3 thương hiệu xe sang tại Việt Nam. Năm 2023, thị trường xe gặp nhiều khó khăn, kết quả kinh doanh sụt giảm, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 54 tỷ đồng, song đến 5 tháng đầu năm nay, Sweden Auto ghi nhận kết quả kinh doanh phục hồi khi lợi nhuận trước thuế đạt 105 tỷ, gần gấp đôi cả năm ngoái.
Dư nợ margin của MBS tiếp tục tăng, công ty rót thêm tiền vào trái phiếu	Chứng khoán MB (MBS) công bố báo cáo tài chính quý II với tăng trưởng doanh thu 120% so với cùng kỳ năm trước, đạt 883 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 217 tỷ đồng, tăng 75%. Công ty cho biết doanh thu khởi sắc đến từ việc thanh khoản toàn thị trường tăng mạnh so với cùng kỳ. Từ đó, doanh thu môi giới tăng 32% đạt hơn 179 tỷ đồng. Lãi từ cho vay và phải thu chiếm 262 tỷ đồng, tăng 88%. Sau nửa đầu năm, doanh thu hoạt động MBS đạt 1.557 tỷ đồng, tăng 111% so với cùng kỳ năm 2023. Lợi nhuận trước và sau thuế đạt lần lượt 500 tỷ đồng và 399 tỷ đồng, cùng tăng 63%. Như vậy sau 6 tháng, công ty đã thực hiện 54% chỉ tiêu.
DIC Corp thoái vốn tại các công ty con	Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng (DIC Corp, DIG) đã thông qua chủ trương giải thể Công ty TNHH MTV Vũng Tàu Centre Point; thoái toàn bộ vốn tại CTCP Cao su Phú Riềng Kratie và thoái một phần vốn tại CTCP Gạch Men Anh Em DIC, thực hiện trước ngày 30/9/2024. Tính đến 31/3/2024, DIC Corp đã trích lập toàn bộ 75,25 tỷ đồng đầu tư vào Gạch Men Anh Em DIC (sở hữu 89,03% vốn điều lệ); trích lập toàn bộ 20 tỷ đồng đầu tư vào Cao su Phú Riềng Kratie (sở hữu 5% vốn điều lệ). Quyết định giải thể và thoái vốn khỏi các đơn vị thành viên đang kinh doanh thua lỗ được đưa ra sau khi DIC Corp liên tục ghi nhận kết quả kinh doanh lao dốc. Cụ thể, sau khi đạt đỉnh lợi nhuận năm 2021 là 989,9 tỷ đồng, lợi nhuận của doanh nghiệp này năm 2022 giảm 80,7% về 191,4 tỷ đồng, năm 2023 giảm 41,7% về 111,6 tỷ đồng và trong quý I/2024 lỗ 121,2 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023 lãi 76,6 tỷ đồng).
Tập đoàn Công nghệ CMC (CMG) rót 300 tỷ đồng thành lập công ty về AI	HĐQT CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC - CMC Corp (mã CMG) mới phê duyệt việc thành lập công ty con là Công ty TNHH hạ tầng số CMC AI (CMC ADI), vốn điều lệ ban đầu là 300 tỷ đồng, ngành nghề kinh doanh sẽ được đăng ký phù hợp với mục tiêu Dự án Trung tâm dữ liệu siêu quy mô (DC Hyperscale). Tính đến cuối năm 2023, số lượng công ty con của CMC Corp là 14, hoạt động trong các lĩnh vực cung cấp giải pháp công nghệ thông tin; dịch vụ viễn thông; phần mềm; linh kiện điện tử; giải pháp an toàn an ninh thông tin; dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO; đào tạo đại học.Về tình hình kinh doanh của CMC Corp (cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2024), Công ty ghi nhận doanh thu thuần đạt 7.342 tỷ đồng, giảm 4,2% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế đạt 402 tỷ đồng, tăng hơn 13%.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên

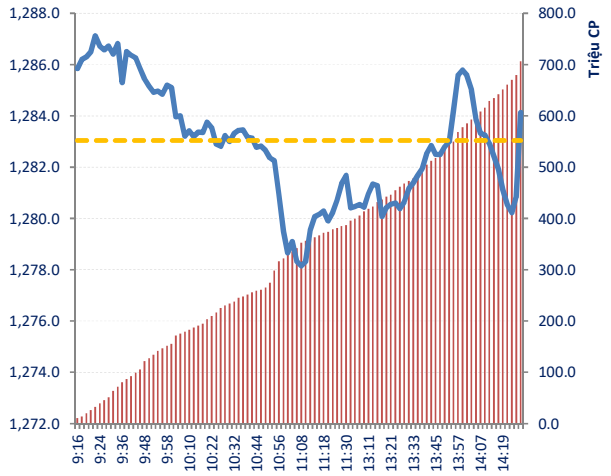

KLGD và HNX-Index trong phiên

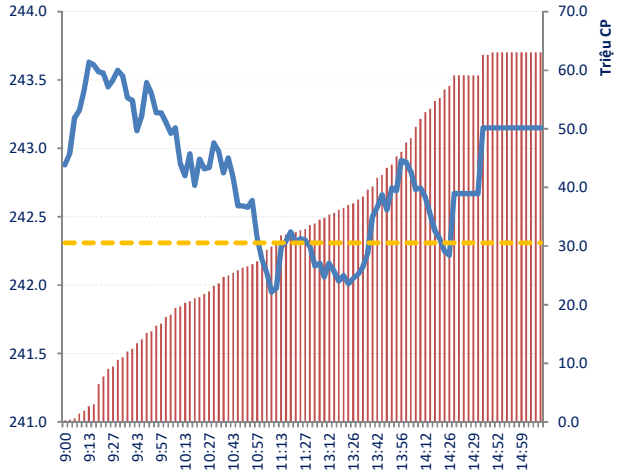

Biến động giá phân theo nhóm Ngành

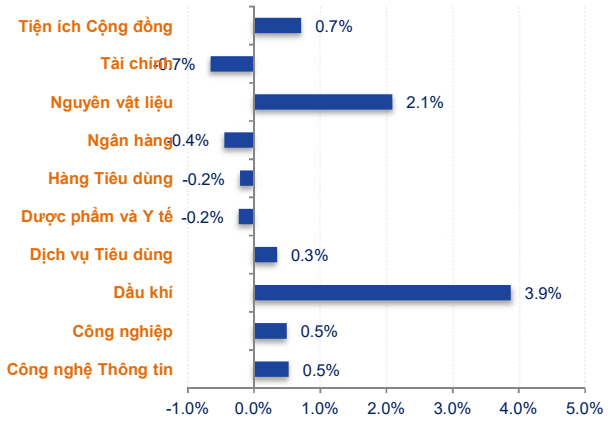

Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành

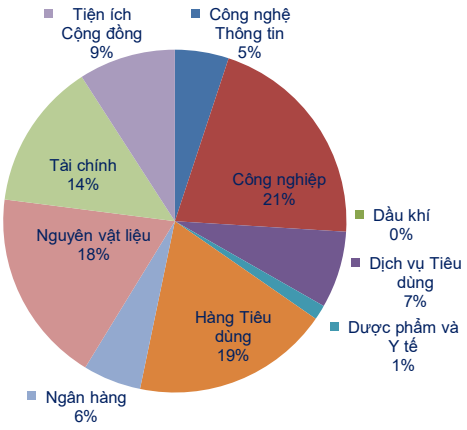

Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa

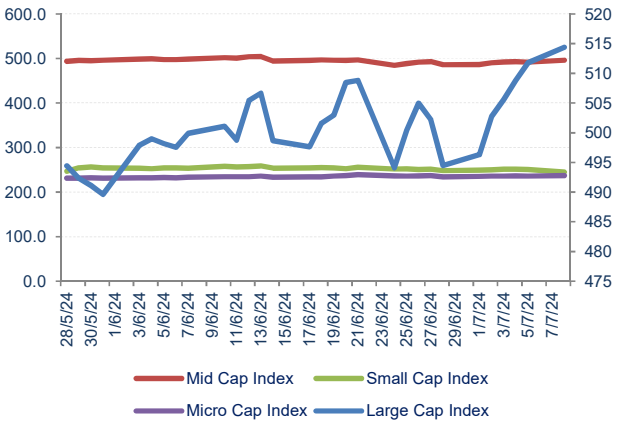

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa

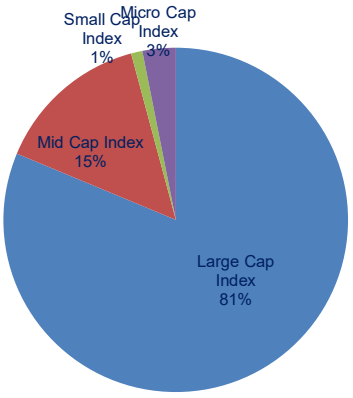

Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	DCM	2,097,000	HDB	20,516,825
2	VNM	1,727,667	STB	8,191,749
3	TPB	1,455,490	VRE	6,407,160
4	NLG	823,700	SAB	3,479,800
5	FUEDCMID	611,200	HPG	3,271,617

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DXG	15.00	14.40	-4.00%	28,569,100
HDB	24.40	24.40	0.00%	26,682,500
STB	30.10	30.15	0.17%	22,848,600
HPG	28.65	28.80	0.52%	19,549,369
HNG	5.10	5.30	3.92%	18,853,300

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CSV	33.65	36.00	2.35	6.98%
TVS	22.95	24.55	1.60	6.97%
GEG	14.40	15.40	1.00	6.94%
YEG	9.22	9.86	0.64	6.94%
DCM	37.50	40.10	2.60	6.93%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TCD	6.75	6.10	-0.65	-9.63%
DXS	7.08	6.59	-0.49	-6.92%
TV2	40.45	37.65	-2.80	-6.92%
TIX	35.50	33.05	-2.45	-6.90%
TNC	42.10	39.20	-2.90	-6.89%

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VGS	162,800	IDC	206,000
2	PVS	159,027	API	69,300
3	DTD	132,600	MBS	69,300
4	AAV	79,700	NTP	33,700
5	SHS	60,910	HUT	25,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.60	17.40	-1.14%	9,173,767
TNG	27.60	28.10	1.81%	4,774,387
MBS	32.80	33.90	3.35%	3,733,053
TIG	15.80	15.70	-0.63%	3,190,008
LAS	23.50	25.80	9.79%	2,977,908

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TPP	10.10	11.10	1.00	9.90%
TTL	8.10	8.90	0.80	9.88%
LAS	23.50	25.80	2.30	9.79%
SDC	7.20	7.90	0.70	9.72%
KMT	9.50	10.40	0.90	9.47%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NTH	61.00	54.90	-6.10	-10.00%
BST	15.50	14.00	-1.50	-9.68%
SDU	19.80	17.90	-1.90	-9.60%
SFN	21.00	19.00	-2.00	-9.52%
KST	13.90	12.60	-1.30	-9.35%

(*) Giá điều chỉnh

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DXG	28,569,100	2.1%	480	31.3	0.7
HDB	26,682,500	24.7%	3,828	6.4	1.4
STB	22,848,600	17.7%	4,206	7.2	1.2
HPG	19,549,369	9.2%	1,455	19.7	1.7
HNG	18,853,300	-37.6%	(888)	-	2.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	9,173,767	5.7%	688	25.6	1.3
TNG	4,774,387	12.5%	1,981	13.9	1.7
MBS	3,733,053	13.0%	1,475	22.2	2.7
TIG	3,190,008	10.3%	1,386	11.4	1.2
LAS	2,977,908	12.0%	1,487	15.8	1.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CSV	7.0%	13.3%	1,748	19.3	2.5
TVS	7.0%	15.2%	1,916	12.0	1.8
GEG	6.9%	2.8%	401	35.9	0.8
YEG	6.9%	3.5%	394	23.4	0.9
DCM	6.9%	12.0%	2,313	16.2	1.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TPP	9.9%	4.2%	474	21.3	0.9
TTL	9.9%	3.0%	450	18.0	0.5
LAS	9.8%	12.0%	1,487	15.8	1.8
SDC	9.7%	3.5%	698	10.3	0.4
KMT	9.5%	7.9%	1,090	8.7	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	2,097,000	12.0%	2,313	16.2	1.9
VNM	1,727,667	26.0%	4,410	15.2	3.9
TPB	1,455,490	13.9%	2,041	8.7	1.1
NLG	823,700	3.0%	1,041	42.3	1.3
FUEDCMID	611,200	N/A	N/A	N/A	N/A

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VGS	162,800	6.0%	1,098	33.2	2.0
PVS	159,027	7.1%	1,992	21.4	1.5
DTD	132,600	11.0%	2,373	12.4	1.3
AAV	79,700	-2.1%	(241)	-	0.5
SHS	60,910	5.7%	688	25.6	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	20.0%	5,838	15.1	2.8
BID	269,631	18.1%	3,841	12.3	2.1
FPT	202,564	22.8%	4,641	29.9	6.4
HPG	183,253	9.2%	1,455	19.7	1.7
GAS	180,524	16.4%	4,688	16.8	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,409	7.1%	1,992	21.4	1.5
IDC	20,130	31.7%	5,880	10.4	3.1
HUT	15,351	0.7%	97	176.8	1.4
MBS	14,355	13.0%	1,475	22.2	2.7
SHS	14,312	5.7%	688	25.6	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.29	-9.6%	(1,295)	-	0.5
KSB	2.22	3.6%	1,008	21.1	0.9
GEX	2.13	2.5%	625	36.5	0.9
VOS	2.09	9.5%	1,120	18.3	1.6
BSI	2.08	9.6%	2,212	23.6	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	3.65	9.2%	1,214	20.6	1.9
API	3.20	-6.9%	(772)	-	0.7
VGS	3.10	6.0%	1,098	33.2	2.0
MCO	3.05	0.8%	97	193.0	1.5
IDJ	2.97	5.0%	584	11.3	0.6

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

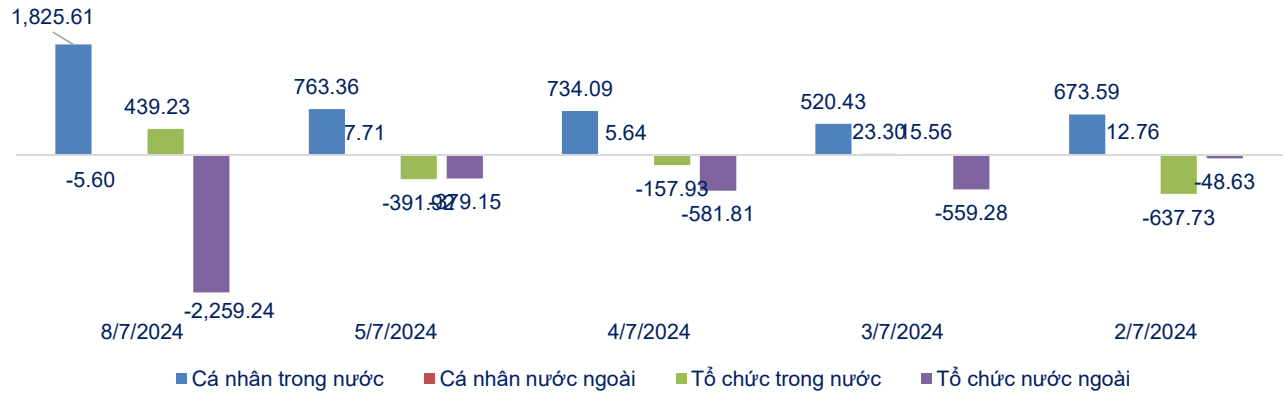

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	355.70	22.8%	4,641	29.9	6.4
MWG	267.16	4.4%	717	91.5	3.7
HPG	166.73	9.2%	1,455	19.7	1.7
VRE	154.51	12.0%	1,966	10.6	1.2
MSN	131.94	0.8%	213	359.6	2.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-113.32	17.7%	4,206	7.2	1.2
VNM	-105.74	26.0%	4,410	15.2	3.9
DCM	-95.59	12.0%	2,313	16.2	1.9
TNC	-38.61	9.8%	1,684	25.0	2.4
NLG	-33.10	3.0%	1,041	42.3	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	3.37	11.3%	2,570	17.1	1.8
MWG	1.52	4.4%	717	91.5	3.7
KBC	1.23	4.9%	1,274	22.8	1.1
FPT	0.99	22.8%	4,641	29.9	6.4
CTR	0.93	28.4%	4,582	32.7	9.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	-3.57	12.0%	1,966	10.6	1.2
MBB	-3.52	21.5%	3,856	5.9	1.2
SHB	-1.98	15.6%	2,148	5.5	0.8
DGC	-1.85	24.6%	7,884	15.9	3.8
CMG	-1.50	10.0%	1,716	37.4	3.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	469.45	24.7%	3,828	6.4	1.4
STB	343.32	17.7%	4,206	7.2	1.2
SAB	165.10	16.0%	3,234	17.9	2.8
SCS	107.05	38.4%	5,241	16.7	5.5
TNC	38.61	9.8%	1,684	25.0	2.4

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FPT	-92.54	22.8%	4,641	29.9	6.4
MWG	-82.47	4.4%	717	91.5	3.7
HPG	-72.51	9.2%	1,455	19.7	1.7
TCB	-48.84	15.2%	2,802	8.4	1.2
SGN	-47.27	23.5%	6,982	12.6	2.7

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	117.01	26.0%	4,410	15.2	3.9
DCM	82.23	12.0%	2,313	16.2	1.9
NLG	36.60	3.0%	1,041	42.3	1.3
FRT	34.43	-17.1%	(2,215)	-	13.8
TPB	26.22	13.9%	2,041	8.7	1.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-477.53	24.7%	3,828	6.4	1.4
FPT	-264.14	22.8%	4,641	29.9	6.4
STB	-230.24	17.7%	4,206	7.2	1.2
SAB	-192.63	16.0%	3,234	17.9	2.8
MWG	-186.21	4.4%	717	91.5	3.7

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

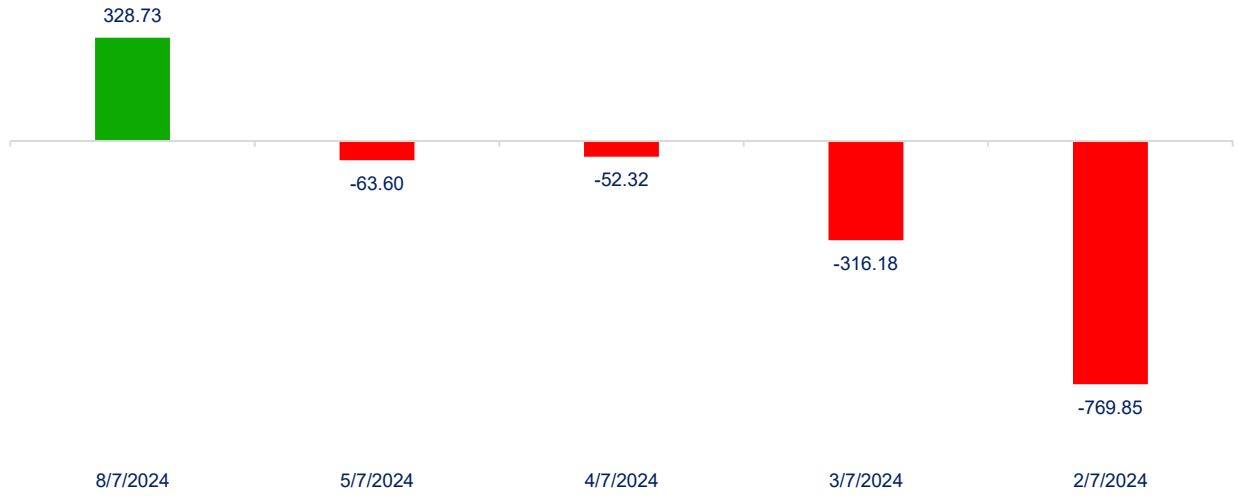

Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)

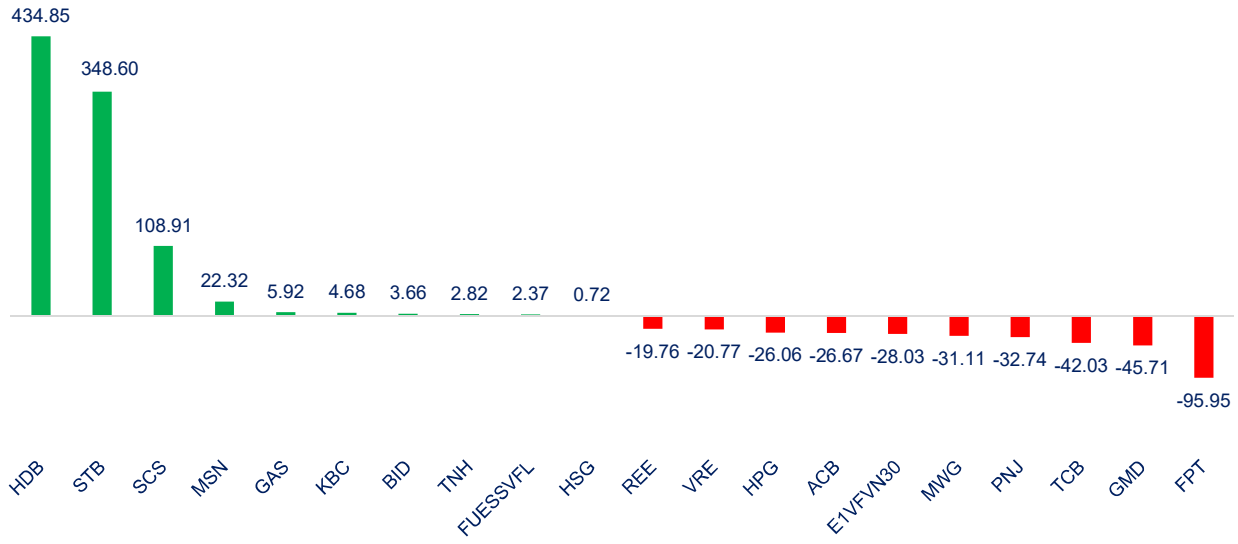

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội
Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng
Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn